TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2023
Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Thi

2. Bà Sử Thị Huyền Trang

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thanh Thuý - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 2 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 28/2023/QĐ-TA ngày 15/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thuỳ N, sinh năm 2000; địa chỉ: ấp Đ, xã Tân P, huyện B, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đặng Hữu Ng, sinh năm 1998; địa chỉ: ấp T 2, xã P, huyện V tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Thuỳ N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N và anh Nguyên kết hôn năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phong. Vợ chồng chung sống đến tháng 10/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2022 cho đến nay. Nay

chị Bùi Thị Thuỳ N yêu cầu ly hôn với anh Đặng Hữu Ng

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Hữu Â, giới tính nam, sinh ngày 30/11/2021, từ khi ly thân đến nay chị là người trực tiếp nuôi con, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cũng không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đặng Hữu Ng để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thuỳ N cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng anh không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Thuỳ N đối với anh Đặng Hữu Ng. Về con chung đề nghị giao cháu Đặng Hữu Â, giới tính nam, sinh ngày 30/11/2021 cho chị Bùi Thị Thuỳ N nuôi dưỡng, về cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đặng Hữu Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh Ng không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Ng.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Bùi Thị Thuỳ N yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Đặng Hữu Ng và có yêu cầu nuôi con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Đặng Hữu Ng có nơi cư trú tại ấp Vĩnh Tây 2, xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân

dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Chị Bùi Thị Thuỳ N và anh Đặng Hữu Ng xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2020, chị với anh có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Phong và được cấp giấy đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị với anh đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình hai bên đã can thiệp hòa giải nhưng vẫn không thể hàn gắng. Nay chị Bùi Thị Thuỳ N yêu cầu ly hôn nhưng anh Đặng Hữu Ng không có thiện chí hàn gắng hạnh phúc gia đình, anh không có văn bản thể hiện ý kiến gì để Tòa án xem xét, cố tình vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác, anh chị đã sống ly thân từ tháng 3/2022 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng Điều 56 (*Ly hôn theo yêu cầu của một bên*) của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị Nguyên được ly hôn với anh Ng.

[5] *Về con chung:* Xác định trong thời gian chung sống vợ chồng chị có 01 con chung tên Đặng Hữu Â, giới tính nam, sinh ngày 30/11/2021, từ khi ly thân đến nay chị là người trực tiếp nuôi con, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Â đến thời điểm xét xử chưa đủ 36 tháng tuổi và từ khi chị và anh Ng sống ly thân cho đến nay chị là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống của con được đảm bảo, chính quyền địa phương xác nhận chị N có đủ điều kiện nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 *(quy định về việc trông nôm, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn)* của Luật hôn nhân và gia đình 2014, giao cháu Đặng Hữu Â, giới tính nam, sinh ngày 30/11/2021 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 82 *(quy định nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn)* của Luật hôn nhân và gia đình 2014, anh Ng là người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nguyên đơn chị N chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 171, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Thuỳ N được ly hôn với anh Đặng Hữu Ng.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Hữu Â, giới tính nam, sinh ngày 30/11/2021 cho chị Bùi Thị Thuỳ N trực tiếp nuôi dưỡng (cháu Â chung sống với chị N), anh Ng không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Ng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không thiếu nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thuỳ N chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002567 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận. Chị N không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; Điều 7, 7a, 7b

và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hánh án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Ng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Phong (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng